

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2023/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tổ chức thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2023. /.

Nơi nhận: *H*

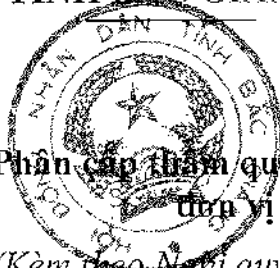
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CT/HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước (bao gồm cả văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện), tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là đơn vị dự toán cấp 1, cấp 2, cấp 3 thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến

thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế;

c) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế);

d) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Y tế quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ Giám đốc Sở Y tế) quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có giá dự toán mua sắm từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có giá dự toán mua sắm từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có giá dự toán mua sắm dưới 2 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 5 tỷ đồng cho một lần mua sắm.

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế) quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có giá dự toán mua sắm dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 500 triệu đồng cho một lần mua sắm.

7. Trường hợp trong một lần mua sắm các tài sản có có tổng giá dự toán mua sắm dưới 10 tỷ đồng, nhưng trong đó có tài sản có giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế (gồm cả Sở Y tế) hoặc có tài sản có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại, thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm

tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 5. Thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá dự toán tiền thuê từ 500 triệu đồng trở lên/01 năm.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng/01 năm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có giá dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng/01 năm.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này) để phục vụ hoạt động theo quy định.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

Điều 7. Phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

Điều 8. Thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần thu hồi.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm

vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

Điều 9. Điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- c) Xe ô tô;
- d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

4. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.

Điều 10. Bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- b) Xe ô tô;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng

đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần bán.

Điều 11. Thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xe ô tô; tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;

c) Các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên;

c) Các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định (trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong

mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý;

c) Các tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý;

c) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng cho một lần thanh lý;

c) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

6. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định thanh lý.

Điều 12. Tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy:

a) Tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1

đơn vị tài sản;

b) Các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:

a) Tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tiêu hủy:

a) Tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần tiêu hủy.

5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định tiêu hủy.

Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;

d) Các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy gồm:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính đảm bảo phân định rõ quyền, nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; sử dụng, khai thác tài sản công và xử lý tài sản công./.